

Bản án số:14/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10/4/2023

“V/v chia tài sản sau khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đàm Nhân Trác.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Quang Liêm và bà Vũ Thị Bền.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Anh- Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:244/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 “về việc chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*Chị Phạm Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Đội 4, thôn An Q, xã Nguyên G, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bá H, sinh năm 1979; địa chỉ: Đội 4, thôn An Q, xã Nguyên G, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ủy ban nhân dân xã Nguyên G, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Viết T – Chủ tịch UBND xã Nguyên G, huyện Tứ K.

(Tại phiên tòa chị H, anh H, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:Chị và anh Nguyễn Bá H đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 114/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Khi đó về tài sản chung anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, chị

và anh H không thỏa thuận được về tài sản chung nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn. Chị xác định chị và anh H có tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 342, tờ bản đồ số 06, diện tích 182 m², địa chỉ: tại thôn An Quý, xã Nguyên G, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương đã được UBND huyện Tứ Kỳ cấp giấy chứng nhận mang tên anh Nguyễn Bá H và chị Phạm Thị H vào ngày 07/9/2007. Nguồn gốc thửa đất do bố mẹ chị là ông Phạm Đức Thủy và bà Lê Thị Nan tặng cho anh chị, năm 2016 anh chị có xây dựng 01 nhà hai tầng và công trình phụ trên đất, chị đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi tài sản tài sản chung của vợ chồng nhưng chị đề nghị được hưởng bằng hiện vật và trả giá trị tài sản cho anh H bằng tiền. Ngoài ra, chị xác định chị và anh H không còn tài sản chung nào khác và không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Bá H trình bày: Anh xác định tài sản chung của anh chị là quyền sử dụng thửa đất số 342, tờ bản đồ số 06, diện tích 182 m², địa chỉ tại thôn An Quý, xã Nguyên G, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương đã được UBND huyện Tứ Kỳ cấp giấy chứng nhận mang tên anh và chị Phạm Thị H vào ngày 07/9/2007 như chị H trình bày là đúng, anh xác định nguồn gốc thửa đất là do anh chị bỏ tiền ra mua, anh không nhất trí với yêu cầu chia tài sản của chị H, anh đề nghị cả anh và chị đều để lại toàn bộ tài sản cho các con.

Quan điểm của UBND xã Nguyên G, huyện Tứ K: Nguồn gốc diện tích đất anh H, chị H đang quản lý, là do ông Phạm Đức Thủy bà Lê Thị Nan là bố đẻ chị H làm thủ tục tặng cho. Quá trình sử dụng, anh H, chị H tự san lấp lấn chiếm ra diện tích đất ao do UBND xã Nguyên Giáp quản lý. Hiện trạng đất anh H, chị H đang sử dụng theo biên bản thẩm định diện tích là 268,5 m², so với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất dôi dư là 86,5m². **UBND xã Nguyên Giáp đề nghị Toà án tạm giao phần diện tích đất dôi dư cho công dân quản lý, sử dụng. Địa phương sẽ xử lý diện tích đất dôi dư do công dân lấn chiếm theo quy định của pháp luật.**

Tại biên bản định giá tài sản, Hội đồng định giá xác định: Giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất nêu trên là $2.700.000 \text{ đồng/m}^2 \times 182 \text{ m}^2 = 491.400.000$ đồng. Công trình xây dựng gắn liền với đất gồm: 01 nhà xây hai tầng, xây dựng năm 2016 giá trị sử dụng là 966.976.529 đồng; tường bao xây năm 2016 giá trị sử dụng là 9.564.524 đồng; hàng rào H sắt giá trị sử dụng là 10.133.939 đồng; Sân lát gạch giá trị sử dụng là 14.049.880 đồng; trụ cổng giá trị là 2.230.590 đồng; mái cổng trị giá là 6.951.999 đồng; cánh cổng H sắt vuông giá trị là 2.816.880 đồng; hàng rào lưới B40 giá trị là 573.166 đồng; mái lợp tôn trước nhà vệ sinh giá trị là 4.496.901 đồng; nhà vệ sinh phía sau nhà chính giá trị là 93.620.520 đồng. Tổng giá trị các công trình trên đất là 1.111.414.930

đồng. Tổng giá trị các tài sản định giá là 1.602.814.930 đồng (*một tỷ sáu trăm linh hai triệu tám trăm mười bốn nghìn chín trăm ba mươi đồng*).

Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Chị Phạm Thị H đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định và chi phí định giá tài sản là 7.300.000 đồng.

Tại phiên tòa: Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 33, Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Điều 147, 157 BLTTDS 2015; Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, giải quyết vụ án như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H. Giao cho chị H có quyền sử dụng đối với thửa đất số 342, tờ bản đồ số 06, diện tích 182m² thôn An Quý xã Nguyên Giáp huyện Tứ Kỳ, nhà hai tầng và các công trình xây dựng trên đất. Chị H phải trả chênh lệch bằng tiền cho anh H một nửa số giá trị tài sản được nhận là 801.407.465 đồng.

- Về án phí: anh Nguyễn Bá H và chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: chị Phạm Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản, không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Bá H đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 114/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Nay chị Phạm Thị H khởi kiện chia tài sản sau khi ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Bá H, trú tại thôn An Quý, xã Nguyên G, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Trong quá trình giải quyết, Tòa án gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H. Tuy nhiên, sau khi nhận được

các văn bản tố tụng của Tòa án anh H không đến Tòa án để làm việc và không tham gia các buổi thẩm định, định giá tài sản. Tòa án đã gửi thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ, chị H, ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Trong quá trình sống chung, chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Bá H đều xác định, anh chị có khối tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 342, tờ bản đồ số 06, diện tích 182 m², địa chỉ tại thôn An Quý, xã Nguyên G, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương đã được UBND huyện Tứ Kỳ cấp giấy chứng nhận vào ngày 07/9/2007, mang tên anh Nguyễn Bá H và chị Phạm Thị H. Trên đất, năm 2016 anh chị đã xây nhà 2 tầng và một số công. Hiện tại anh chị đang sử dụng khối tài sản trên.

[2.2] Quá trình giải quyết chị Phạm Thị H đề nghị Tòa án chia cho chị bằng hiện vật là toàn bộ diện tích 182 m² đất ở, tại thửa số 342, tờ bản đồ số 6, đất ở thôn An Quý, xã Nguyên G, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương và các công trình xây dựng trên đất, chị sẽ trả chênh lệch giá trị tài sản bằng tiền cho anh H. Toàn bộ đồ dùng sinh hoạt trong gia đình chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết mà sau này chị và anh H tự giải quyết.

Trong quá trình giải quyết anh H xác định toàn bộ tài sản là đất và tài sản gắn liền với đất như chị H trình bày là tài sản chung vợ chồng có trong thời kỳ hôn nhân, nhưng không nhất trí với yêu cầu của chị H, anh đề nghị cả anh và chị H đều để lại toàn bộ tài sản trên cho các con.

[2.3] Xét về nguồn gốc quyền sử dụng đất anh chị sử dụng là của ông Phạm Đức Thủy và bà Lê Thị Nan là bố mẹ chị H tặng cho, anh chị, trong quá trình anh chị chung sống đã cùng nhau xây dựng công trình trên đất nên xác định cả hai anh chị đều có công sức ngang nhau. Mặc dù anh chị đang quản lý sử dụng nhà và đất ở chung nhưng tại lời khai ngày 07/02/2023, anh H xác định, toàn bộ tài sản là nhà đất nếu được phân chia sẽ cho con chung của anh và chị H.

Căn cứ nguồn gốc đất, nhu cầu sử dụng, HĐXX thấy yêu cầu chia tài sản của chị H bằng hiện vật là phù hợp, cần chấp nhận, chị H có trách nhiệm chia trả tài sản chung cho anh H bằng tiền là phù hợp với Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về đất dôi dư:* Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, diện tích hiện trạng đất chị H, anh H đang sử dụng là 268,5m², như vậy diện tích đất dôi

đư là 86,5m². Theo UBND xã Nguyên Giáp xác định diện tích đôi dư do vợ chồng chị H san lấp lần chiếm diện tích đất ao do UBND xã quản lý. Khi giải quyết vụ án, UBND xã đề nghị tạm giao phần diện tích đất đôi dư cho công dân tiếp tục sử dụng, UBND xã sẽ xử lý diện tích đất đôi dư theo quy định của pháp luật.

[4] *Về chi phí tố tụng*: Tổng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 7.500.000 đồng, chị Phạm Thị H đã nộp đủ và tự nguyện chịu cả chi phí này nên HĐXX cần chấp nhận sự tự nguyện của chị H.

[5] *Về án phí*: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Bá H đều phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tài sản được phân chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 33, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271, Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H về việc chia tài sản sau khi ly hôn.

Xác định tài sản chung của chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Bá H gồm có: Trị giá thửa đất số 342, tờ bản đồ số 06, diện tích 182 m², địa chỉ tại thôn An Quý, xã Nguyên G, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương là 491.400.000 đồng (Bốn trăm chín một triệu bốn trăm nghìn đồng) và các tài sản gắn liền trên đất có giá trị là 1.111.414.930 đồng (một tỷ một trăm mười một triệu, bốn trăm mười bốn nghìn chín trăm ba mươi đồng). Tổng giá trị là đất ở và tài sản trên đất là 1.602.814.930 đồng (một tỷ sáu trăm linh hai triệu, tám trăm mười bốn nghìn, chín trăm ba mươi đồng).

Giao cho chị Phạm Thị H được sử dụng diện tích 182 m² đất ở trị giá bằng 491.400.000 đồng (Bốn trăm chín một triệu bốn trăm nghìn đồng) và 01 nhà 02 tầng trị giá 966.976.529 đồng; tường bao trị giá là 9.564.524 đồng; hàng rào H sắt trị giá là 10.133.939 đồng; Sân lát gạch giá trị là 14.049.880 đồng; trụ cổng giá trị là 2.230.590 đồng; mái cổng trị giá 6.951.999 đồng. cánh cổng sắt vuông giá trị là 2.816.880; hàng rào lưới B40 giá trị là 573.166 đồng; mái lợp tôn trước nhà vệ sinh giá trị là 4.496.901 đồng; nhà vệ sinh phía sau nhà chính giá trị là 93.620.520 đồng. Tổng giá trị đất ở và tài sản trên đất giao cho chị H là 1.602.814.930 đồng (một tỷ sáu trăm linh hai triệu, tám trăm mười bốn nghìn, chín trăm ba mươi đồng). Chị H có trách nhiệm trả trị giá tài sản cho anh Nguyễn Bá H bằng tiền là 801.407.465 đồng (Tám trăm linh một triệu, bốn trăm linh bảy nghìn, bốn trăm sáu năm đồng).

Giao cho chị Phạm Thị H quản lý sử dụng 182 m² đất ở và tạm giao cho chị Phạm Thị H quản lý sử dụng 86,5m² đất dôi dư tại thửa số 342, tờ bản đồ số 6, đất ở thôn An Quý, xã Nguyên G, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương. Chị Phạm Thị H phải chấp hành khi UBND xã xử lý diện tích đất dôi dư theo quy định của pháp luật.

(Hình thể và kích thước các cạnh theo sơ đồ).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án, yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất do chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. *Về chi phí tố tụng:* Chị Phạm Thị H tự nguyện chịu cả chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản với tổng số tiền là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), chị H đã nộp đủ số tiền này.

3. *Về án phí:* Chị Phạm Thị H phải chịu 36.042.000 đồng (ba mươi sáu triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối trừ với số tiền 15.200.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0000738 ngày 10/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, chị H còn phải nộp số tiền 20.842.000 đồng (hai mươi triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn đồng). Anh Nguyễn Bá H phải nộp 36.042.000 đồng (ba mươi sáu triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Nhân Trác